

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-ST

Ngày 28-8-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Lê L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phan Thanh L1.

2. Bà Nguyễn Thị D.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Trần Võ P – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS, ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Như S**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 17/9/1989 tại thị xã C, tỉnh B; nơi cư trú: Số 101 D, khu vực E, phường G, thị xã C, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông: Nguyễn Công Đ (sinh năm 1967) và bà: Trần Thị M (sinh năm 1969); vợ: Bùi Thị Ngọc H (sinh năm 1990); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 02/6/2023 đến ngày 07/6/2023 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường G, thị xã C, tỉnh B cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

* **Người bị hại:** Anh Phạm T1 – Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn M1, xã H, huyện A, tỉnh B (có mặt).

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Đình V – Sinh năm: 1993; nơi cư trú:

Đội 10, khu vực K, phường G, thị xã C, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/6/2023, Nguyễn Hoàng Như S điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 77H9-9861 đi từ nhà trọ S thuê ở khu vực N, phường X, thị xã C đến hồ M1 thuộc thôn M1, xã H, huyện A để tìm hái cây lông chuột về trồng làm thuốc. Khi đến nơi, S dựng xe tại chỗ để xe của những người đang đi câu trên hồ M1 rồi đi bộ dọc bờ hồ để tìm cây lông chuột mang về trồng. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, vì không tìm được cây lông chuột, S quay về chỗ để xe định lấy xe về thì thấy xe mô tô hiệu Sirius, biển số 71E1-260.40, thuộc sở hữu của anh Phạm T1 (sinh năm 1990, ở thôn M1, xã H, huyện A) đang dựng gần đó, lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên để về sử dụng. S dùng tay mở yên xe mô tô Sirius, biển số 71E1-260.40 lên thì phát hiện cốp xe mô tô này không khóa, lục lọi trong cốp xe S phát hiện chìa khóa xe nên lấy ra tra vào ổ khóa khởi động thì xe nổ máy. Sau đó, S điều khiển xe mô tô Sirius, biển số 71E1-260.40 đi ra đường Tỉnh lộ 635 qua địa bàn xã Q rồi đi theo đường Quốc lộ 19C về Ngã tư P. Khi đến trạm bơm nước dưới cầu K 1 thuộc khu vực K, phường G, thị xã C thì S đem xe mô tô vừa trộm được giấu bên hông của trạm bơm nước.

Đến 12 giờ 00 phút cùng ngày, S gọi điện nhờ Nguyễn Đình V (sinh năm 1993, ở khu vực K, phường G, thị xã C) đến cầu K 1 để đón S quay lại hồ M1 lấy xe mô tô Wave, biển số 77H9-9861 của S. Sau khi Chương chở S quay lại lấy được xe mô tô của S, trên đường về thì bị lực lượng Công an huyện A phát hiện và mời về trụ sở làm việc, quá trình làm việc, S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hậu quả của vụ án: Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện A ngày 07/6/2023: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71E1-260.40, màu S đen-đỏ tại thời điểm trộm cắp có giá là 7.000.000^d (bảy triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71E1-260.40, màu S đen-đỏ. Xe mô tô trên được anh Phạm T1 mua lại của ông Đoàn Văn T2 (sinh năm 1962, ở khu phố 3, thị trấn O, huyện R, tỉnh Z) vào năm 2018 với giá 10.000.000^d (mười triệu đồng) nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Qua xác minh, xe mô tô trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng của Bộ Công an. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho anh Phạm T1.

Về dân sự: Anh Phạm T1 sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp thì có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSPC, ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Như S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Như S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Như S với mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Nguyễn Hoàng Như S đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận, bị cáo và người bị hại đều không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai

của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Xuất phát từ ham muốn có phương tiện khác tốt hơn để đi lại, lợi dụng địa hình vắng vẻ cùng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Hoàng Như S đã bộc phát nảy sinh ý định rồi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71E1-260.40 trị giá 7.000.000^d (bảy triệu đồng) của anh Phạm T1, vào khoảng 10 giờ 00 phút tại hồ M1 thuộc thôn M1, xã H, huyện A, tỉnh B. Tại thời điểm này, chiếc xe máy đang trong tình trạng không có người trông coi.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Như S là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Như S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, không có phạm tội nào khác. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, người bị hại đã có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa cũng tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Mặt khác, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và hiện là lao động chính trong gia đình, đang nuôi hai con còn nhỏ. Động cơ, mục đích phạm tội

của bị cáo là đơn giản, suy nghĩ nông cạn. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng đủ điều kiện để bị cáo tự học tập, cải tạo. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 để xử phạt bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với Nguyễn Đình V khi được bị cáo S nhờ chở đến hồ M1 để lấy xe nhưng Chương không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo S trước đó. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Chương là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71E1-260.40, màu S đen-đỏ cho anh Phạm T1. Người bị hại anh Phạm T1 sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp thì có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Như S **09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm: 28.8.2023.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng Như S cho Ủy ban nhân dân phường G, thị xã C, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng Như S phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Đội Tham mưu Tổng hợp Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L